

日本では、朝からあいている飲食店は少ない

Ở Nhật Bản rất ít quán ăn mở cửa từ sáng sớm.

日本に住み始めた東南アジア人の家族がある日、観光地に遊びに行くことになりました。家族4人で朝6時に起きて、近所の飲食店で朝食を食べてから電車に乗ろうと計画していました。

Một ngày nọ, một gia đình Đông Nam Á bắt đầu sống ở Nhật Bản quyết định đi đến một địa điểm du lịch. Gia đình bốn người dự định thức dậy lúc 6 giờ sáng, ăn sáng ở một quán ăn gần đó rồi lên tàu điện.

しかし、朝7時に家を出ると、通りに人がまばらです。ウォーキングやランニングをしている人たちはいましたが、それほど多くありません。そして、飲食店はどこも閉まっていて、「準備中」の札が掲げられていました。

Tuy nhiên, khi họ rời nhà lúc 7 giờ sáng, trên đường có rất ít người. Có một số người đi bộ hoặc chạy bộ, nhưng không nhiều. Và tất cả các quán ăn đều đóng cửa, treo biển “đang chuẩn bị”.

その家族はカレーやラーメンのお店なら開いているかもしれないと思って探しましたが、開店時間は午前10時か11時で、どこも開いていませんでした。

Gia đình họ tìm quán cà ri hoặc ramen, vì nghĩ rằng có thể đã mở cửa nhưng các quán chỉ mở cửa lúc 10 hoặc 11 giờ sáng và không có quán nào mở cửa sớm.

結局、彼らはコンビニでパンを買って食べました。実は、日本では朝に外食をする習慣があまりないので、朝から開いている飲食店は少ないのです。

Cuối cùng, họ mua bánh mì ở cửa hàng tiện lợi để ăn. Trên thực tế, ở Nhật Bản không có thói quen đi ăn ngoài vào buổi sáng nên cũng không có nhiều quán ăn mở cửa vào sáng sớm.

朝から開いているベトナムの飲食店

Quán ăn ở Việt Nam mở cửa từ sáng sớm

ベトナムでは、午前4時か5時ごろからたくさんの人が通りを散歩し、飲食店は午前3時か4時ごろに料理を作り始め、早朝からお客さんに食事を出せるように準備します

ね。そして、午前5時ごろからバイク・タクシーや一般のタクシーもたくさん走っています。

Ở Việt Nam, nhiều người đi bộ trên đường từ khoảng 4, 5 giờ sáng, các quán ăn bắt đầu nấu đồ ăn từ khoảng 3, 4 giờ sáng, chuẩn bị phục vụ đồ ăn cho khách từ sáng sớm. Ngoài ra còn có nhiều xe ôm và taxi thường chạy từ khoảng 5h sáng.

ムスリムの人たちが夜明けとともにモスクや家で礼拝をするインドネシアでも、早朝からたくさんのワルン（食堂）が開いていて、bubur（おかゆ）や soto（スープ）、nasi goreng（チャーハン）などの朝食を振る舞ってくれます。

Ngay cả ở Indonesia, nơi người Hồi giáo cầu nguyện trong nhà thờ Hồi giáo và nhà riêng vào lúc bình minh, nhiều warung (quán ăn) mở cửa từ sáng sớm, phục vụ bữa sáng như bubur (cháo), soto (súp) và nasi goreng (cơm chiên).

ところが、日本では朝から開いている飲食店は限られています。というのは、日本人は長い時間働く人が多く、そのうえ電車・バスでの通勤にも時間がかかるため、朝早く起きて外でご飯を食べる余裕がない人がたくさんいます。また、昔からの文化で、朝食は家で食べるという習慣が広く根付いています。

Tuy nhiên, ở Nhật Bản chỉ có một số ít nhà hàng mở cửa từ sáng sớm. Điều này là do nhiều người Nhật mất nhiều thời gian đến nơi làm việc bằng tàu điện hoặc xe buýt nên nhiều người không đủ khả năng thức dậy sớm và đi ăn bên ngoài. Ngoài ra, phong tục ăn sáng tại nhà còn có nguồn gốc sâu xa từ văn hóa cổ xưa của Nhật Bản.

このような事情で、早朝に飲食店で食事をする日本人はあまりいません。そのため、日本の飲食店の多くは朝は閉まっており、ランチタイムの直前に開店します。

Vì lý do này, không có nhiều người Nhật ăn ở quán ăn vào sáng sớm. Vì vậy, nhiều quán ăn Nhật Bản đóng cửa vào buổi sáng và mở cửa ngay trước giờ ăn trưa.

日本のカフェの「モーニング・セット」 “Bữa sáng” tại quán cà phê Nhật Bản

ただし、日本でも朝食を提供する飲食店が少しはあります。技能実習生の皆さんには、朝食は家で食べるかコンビニでパンやおにぎりを買って食べる人が多いので、普段は、飲食店で朝食を食べることは少ないと思います。

Tuy nhiên, cũng có một số ít quán ăn ở Nhật Bản phục vụ bữa sáng. Nhiều thực tập sinh ăn sáng tại nhà hoặc mua bánh mì và cơm nắm ở cửa hàng tiện lợi nên tôi nghĩ họ thường ít khi ăn sáng ở quán ăn.

しかし、休みの日に遠くへ遊びに行くときなどにお店で朝食を食べたい場合があるかも知れません。そこで、日本で朝食を食べられるお店を少し紹介しておきます。

Tuy nhiên, có thể có những lúc bạn muốn ăn sáng ở quán ăn, chẳng hạn như khi bạn ra ngoài vào ngày nghỉ. Vì vậy, tôi muốn giới thiệu một số quán ăn nơi bạn có thể ăn sáng ở Nhật Bản.

◆カフェ Quán cà phê

カフェの多くは「モーニング・セット」を提供しています。セットの内容は、トーストやホットドッグ、サンドイッチなどの軽食とドリンクです。ドリンクは、コーヒー、紅茶、ミルクの中から選ぶ場合が多いです。愛知県や岐阜県では、他県に比べてカフェでモーニング・セットを食べる人が多く、モーニング・セットのメニューが他県よりも少し豪華です。

Nhiều quán cà phê cung cấp “bữa sáng”. Bữa sáng bao gồm các món ăn nhẹ như bánh mì nướng, xúc xích và bánh mì sandwich cũng như đồ uống. Đồ uống thường bao gồm cà phê, trà và sữa. Ở tỉnh Aichi và Gifu, nhiều người ăn suất ăn buổi sáng ở quán cà phê hơn các quận khác và thực đơn suất ăn buổi sáng sang trọng hơn một chút so với các tỉnh khác.

◆ファストフード店 Cửa hàng thức ăn nhanh

牛丼店、(立ち食いの)そば・うどん店、ハンバーガーショップなど。

Cửa hàng Gyudon, cửa hàng soba/udon (đứng ăn), cửa hàng hamburger, v.v.

◆ファミリーレストラン Nhà hàng gia đình

ファミリーレストランにも、朝から営業している店が多くあります。Nhiều nhà hàng gia đình mở cửa từ sáng sớm.

◆大きなホテルのレストラン Nhà hàng khách sạn lớn

小さなホテルのレストランの多くは宿泊客専用ですが、大きなホテルのレストランは朝から一般に開放していることが多いです。ただし、値段が高いです。

Nhiều nhà hàng khách sạn nhỏ chỉ dành cho khách lưu trú tại khách sạn, trong khi các nhà hàng khách sạn lớn hơn thường mở cửa phục vụ công chúng vào buổi sáng. Tuy nhiên, nó có giá thành cao.

未来へつなげる大切なヒント

Gợi ý quan trọng dẫn tới tương lai.

社会人として必要な「あいさつ」とは

“Lời chào hỏi”

cần thiết đối với một người đi làm

皆さん、普段の挨拶はしっかり出来ていますか？挨拶はビジネスマナーの基本中の基本と言われるくらい、社会人として非常に大切な要素です。しっかりとした挨拶は周りの雰囲気を明るくするだけでなく、皆さん自身の印象を良くし、人間関係も良好に保てるなど様々なメリットがあります。今月は、挨拶について改めて考えてみましょう。

Mọi người, các bạn có thể thực hiện lời chào hỏi hàng ngày một cách đúng đắn không? Lời chào hỏi được coi là một trong những nguyên tắc cơ bản trong phép tắc kinh doanh, và là yếu tố vô cùng quan trọng đối với người đi làm. Một lời chào đúng đắn không chỉ làm sáng bừng không khí xung quanh mà còn giúp cải thiện ấn tượng của chính các bạn, đồng thời giữ mối quan hệ với mọi người trở nên tốt đẹp hơn. Tháng này, chúng ta hãy cùng suy nghĩ lại về việc chào hỏi.

どうして挨拶が大切か？　Vậy tại sao chúng ta lại phải chào hỏi?

そもそも、どうして挨拶をしなければならないのでしょうか？「挨拶」の「挨」には「自分の心を開く」、「拶」には「相手の心に近づく」という意味があります。皆さんにも経験があるかもしれませんが、せっかく挨拶をしたのに相手からの反応が悪くて嫌な気持ちになるのは、自分は相手を認めているのに、その相手に自分が認められていないと感じるからだと言われています。

Chữ “挨” (ai) trong “挨拶” có nghĩa là “mở lòng mình”, còn chữ “拶” (satsu) có nghĩa là “tiến gần tới trái tim của người khác”. Có lẽ các bạn cũng đã từng trải qua cảm giác này: dù đã chào hỏi nhưng lại nhận được phản ứng không tốt từ người đối diện, và cảm thấy khó chịu. Điều này xảy ra vì mặc dù bạn đã công nhận đối phương, nhưng bạn lại cảm thấy rằng mình không được đối phương công nhận.

特に日本では新入社員研修で最初に挨拶を題材にする会社が多く、それだけ挨拶を重要視しています。協調性を大切にする日本の会社において挨拶が出来ない人は、場合によっては仕事が出来ない、常識がないなどのレッテルを貼られてしまい、悪い評価がついてしまうこともあります。

このように挨拶は人間同士の最低限のマナーであり、皆さんの印象を左右する大変重要なものなのです。

Đặc biệt ở Nhật Bản, có rất nhiều công ty bắt đầu khóa đào tạo nhân viên mới bằng việc dạy về lời chào hỏi, điều này cho thấy sự quan trọng của lời chào trong môi trường làm việc. Trong các công ty Nhật Bản, nơi chú trọng sự hợp tác, những người không thể chào hỏi sẽ bị đánh giá là không thể làm việc, thiếu lễ thường, và có thể bị gán cho những nhãn mác xấu, dẫn đến việc nhận những đánh giá không tốt. Như vậy, lời chào là phép tắc tối thiểu giữa con người với nhau và là một yếu tố vô cùng quan trọng ảnh hưởng đến ấn tượng của các bạn.

仕事で使う挨拶 Lời chào hỏi dùng trong công việc

主に仕事で使う挨拶をいくつか紹介します。もし知らない表現があれば、この機会に覚えましょう。

Tôi sẽ giới thiệu một số lời chào mà chủ yếu được sử dụng trong công việc. Nếu có bất kỳ biểu hiện nào bạn chưa biết, hãy nhân cơ hội này để học thuộc.

「おはようございます」

出社したらする挨拶。一日のスタートを気持ちよく切る為にも元気に言いましょう。

Lời chào khi đến công ty. Hãy nói lời chào một cách vui vẻ để bắt đầu một ngày mới đầy năng lượng.

「お疲れ様です」

社内で職場の人とすれ違ったらする挨拶。ただし、社外のお客様とすれ違う場合は「こんにちは」と言います。

Lời chào khi gặp đồng nghiệp trong công ty. Tuy nhiên, khi gặp khách hàng bên ngoài công ty, bạn sẽ nói “こんにちは” (Xin chào).

「行ってまいります」

休憩時間などで外出するときにする挨拶。同時にどこに行くのかを伝えられると尚良いです。

Lời chào khi ra ngoài trong giờ nghỉ. Cũng có thể tốt hơn nếu bạn thông báo mình đi đâu.

「ただいま戻りました」

外出から戻ってきたときに使う挨拶。「ただいま」だけだとカジュアルなので、会社では使いません。

Lời chào khi trở lại sau khi ra ngoài. Câu 「ただいま」 (Tôi về rồi) có thể mang tính suồng sã, vì vậy không dùng trong công ty.

「失礼致します」

誰かがいる部屋に入るときに使う挨拶。

Lời chào khi bước vào phòng có người đang ở đó.

「お先に失礼致します」

まだ職場に人が残っていて、自分が先に帰社するときに使う挨拶。

Lời chào khi bạn rời công ty trước những người khác.

「お疲れ様でした」

先に帰社する人を見送るときに使う挨拶。

Lời chào khi tiễn người về trước trong công ty.

挨拶するときの注意点 Điểm cần chú ý khi chào hỏi

挨拶の仕方、その人の第一印象が決まると言っても過言ではありません。挨拶をするときは以下の点に気を付けましょう。

Cách chào hỏi có thể quyết định ấn tượng đầu tiên của người đó, không phải là lời nói quá.

Khi chào hỏi, hãy chú ý đến các điểm sau đây.

笑顔で明るく元気に Cười tươi, chào hỏi vui vẻ và đầy năng lượng

普段から笑顔で、明るく元気な挨拶を心掛けてください。特に目上の人に対しては、お辞儀もすることでより印象が良くなります。

Hãy luôn chào hỏi với một nụ cười tươi, vui vẻ và đầy năng lượng. Đặc biệt khi chào hỏi người có chức vụ cao hơn, nếu bạn cúi đầu chào thì ấn tượng sẽ còn tốt hơn nữa.

挨拶は自分から Chào hỏi chủ động từ bản thân

挨拶は相手からされるのを待つのではなく、自分から進んでみましょう。何事においても自ら率先して出来る人は、良い評価につながりやすいです。

Chúng ta không nên đợi người khác chào mình mà hãy chủ động chào hỏi trước. Những người luôn tự mình dẫn đầu trong mọi việc thường dễ nhận được đánh giá tốt.

相手の目を見る Nhìn vào mắt đối phương

仕事に集中していると難しいときもあるかもしれませんが、挨拶は「相手の目を見て」が基本です。何かをしながらの「ながら挨拶」は、相手にとって失礼な行為なのでやめましょう。

Dù có thể khó khăn khi đang tập trung vào công việc, nhưng việc chào hỏi “nhìn vào mắt đối phương” là điều cơ bản. Việc chào hỏi mà làm những việc khác cùng lúc, gọi là “chào hỏi trong khi làm việc khác”, sẽ là hành động thiếu lịch sự đối với đối phương, vì vậy hãy tránh điều này.

まとめ Tóm tắt

挨拶がしっかり出来ないことで、職場の人と良い関係を築けなくなったり、キャリアアップのチャンスを逃してしまうかもしれないのは、非常に勿体ないことです。日本語は難しい言語ですが、挨拶であればすぐ出来ます。早速今日から、元気で礼儀正しい社会人としての挨拶を心掛けましょう！

Việc không thể chào hỏi đúng cách có thể khiến bạn không thể xây dựng mối quan hệ tốt với đồng nghiệp trong công ty, hoặc có thể bỏ lỡ cơ hội thăng tiến trong sự nghiệp, điều này thật sự rất đáng tiếc.

Tiếng Nhật là một ngôn ngữ khó, nhưng nếu là việc chào hỏi thì bạn có thể làm ngay được. Ngay từ hôm nay, hãy chú ý đến việc chào hỏi với tinh thần năng động và đầy đủ phép tắc của một người đi làm!

何よりも安全最優先

Hơn bất cứ điều gì AN TOÀN ưu tiên hàng đầu!

～分からないと危ない！～ 危険を避けるための口語と標識

~Thật nguy hiểm nếu bạn không biết!~

Ngôn ngữ thông dụng và các dấu hiệu để tránh nguy hiểm

今月は、日本語の教科書には出てきませんが、分からないと危険を招く口語や標識を勉強しましょう。

Tháng này chúng ta cùng học những từ thông dụng và ký hiệu không xuất hiện trong sách giáo khoa tiếng Nhật nhưng có thể gây nguy hiểm nếu không hiểu rõ.

問題 問題 問題

1. つぎの ことばを かんじで かいて、いみを せつめい してください(/6)

Hãy viết những từ sau đây bằng hán tự và cho biết ý nghĩa của chúng

①きけん かんじ: いみ:

②きんし かんじ: いみ:

③ちゅうい かんじ: いみ:

2. つぎの こうごを ていねいな にほんごで かいて ください(/12)

Hãy viết những dòng sau bằng tiếng Nhật ở thể lịch sự

①あぶねえ！

②やめろ！／ストップ！

③するな！／すんな！

④しろ！／やれ！

⑤どけ！

⑥くるな！／くんな！

⑦とまれ！／ストップ！

⑧はいるな！／はいんな！

⑨さわるな！／さわんな！

⑩いそげ！

⑪とれ！

⑫だめ！

注)これらは丁寧な言葉ではないので、皆さんは使わないでください

Lưu ý: Đây không phải là những từ ngữ lịch sự nên các bạn vui lòng không sử dụng.

3. つぎの ひょうしきを みたら あなたは どうしますか？ (/6) Bạn sẽ làm gì khi nhìn thấy biển báo sau đây?

答え 答え

1. 次の言葉を漢字で書いて、意味を説明してください (/6) Hãy viết những từ sau đây bằng hán tự và cho biết ý nghĩa của chúng

きけん 漢字: 危険 意味: あぶないこと Việc nguy hiểm

きんし 漢字: 禁止 意味: してはいけないこと Việc cấm làm

ちゅうい 漢字: 注意 意味: きをつけること Việc cần chú ý

2. 次の口語を丁寧な日本語で書いてください (/12)

Bạn hãy viết lại khẩu ngữ sau thành tiếng Nhật thể lịch sự

あぶねえ！ あぶないです Nguy hiểm やめろ！／ストップ！ やめてください
Hãy dừng lại(hãy ngừng làm)

するな！／すんな！ しないでください Không làmしろ！／やれ！ してください Hãy làm

どけ！ どいてください Hãy tránh ra くるな！／くんな！ こないでください Hãy lại đây

とまれ！／ストップ！ とまってください Hãy dừng lại はいるな！／はいんな！
はいらないでください Cấm vào

さわるな！／さわんな！ さわらないでください Cấm sờ いそげ！ いそいでください
い Nhanh lên

とれ！ とってください Lấy cái đó だめ！ してはいけません／よくないです
Không được làm / Không tốt

注)これらは丁寧な言葉ではないので、皆さんは使わないでください

Chú ý: Do những từ này không lịch sự nên các bạn không dùng nhé.

3. 次の標識を見たらあなたはどうしますか？(/6)Bạn sẽ làm gì khi nhìn thấy
những biển hiệu dưới đây?

注意します

Hãy chú ý

たばこを吸いません

cấm hút thuốc

入りません

Cấm vào

整理整頓します

Sắp xếp sạch sẽ và ngăn nắp

上に注意します

Chú ý trên đầu

安全を一番に考えます

an toàn là trên hết

実習生の皆さんへ Gửi tới tất cả các Thực tập sinh

繰り返し練習し、完璧に覚えてください！

Hãy ôn luyện nhiều lần và ghi nhớ một cách hoàn hảo!

日本語学習攻略法

Phương pháp học tiếng Nhật

頑張って日本語で話したのにうまく伝わらなかった経験はありませんか？日本人と同じように日本語を話せるようになりたいと思いませんか？

“Bạn đã từng có kinh nghiệm cố gắng nói tiếng Nhật nhưng không thể truyền đạt được đúng ý không? Bạn có muốn có thể nói tiếng Nhật giống như người Nhật không?”

今月のテーマ

課題 今月

気持ちが伝わる発音について

“Về phát âm giúp truyền đạt cảm xúc”

ものまね上手は発音上手！？

“Giỏi bắt chước là giỏi phát âm!”

なめらかに日本語を話せるようになるための練習の一つに、シャドーイング (shadowing) があります。

Shadow (影) のようにぴったりと後について同じように発音する練習法です。日本語のイントネーションは緩やかな山のようになっています。シャドーイングをする際は、声の高低の差を意識してください。専用の教材を準備するのも良いですが、テレビで聞いた言葉を真似して発音してみるのも良い練習になりますよ。

“Một trong những phương pháp luyện tập để nói tiếng Nhật trôi chảy là Shadowing. Đây là phương pháp luyện tập phát âm giống như bóng (Shadow), theo dõi và phát âm giống như vậy. Ngữ điệu của tiếng Nhật giống như những ngọn núi nhẹ nhàng. Khi thực hiện Shadowing, bạn cần chú ý đến sự khác biệt giữa cao độ của giọng nói. Bạn có thể chuẩn bị tài liệu học chuyên dụng, nhưng việc bắt chước và phát âm những từ bạn nghe được từ tivi cũng là một cách luyện tập tốt.”

気持ちが伝わる「そうですか」

“Cảm giác được truyền đạt qua Vậy à”

皆さんが良く使う「そうですか」という言葉も、イントネーションを意識するとより気持ちが伝わります。

“Những từ như ;Vậy à; mà mọi người thường sử dụng, nếu chú ý đến ngữ điệu, cảm giác sẽ được truyền đạt rõ ràng hơn.

Nghi ngờ

「そうですか」Vậy à

Nỗi lo âu; đắn đo

「そうですか」Vậy à

Chấp nhận đồng ý

「そうですか」 Vậy à

Khi vui

「そうですか」Vậy à

先輩が教える Học từ người đi trước

日本語能力試験合格のヒケツ!

Bí quyết để đậu kì thi JLPT !

DUONG さん N3 合格 !

Bạn DUONG (Đậu N3)

初めまして。ズオンと申します。2019 年7月から日本で暮らし始めて、もう5年になります。最初から日本語を勉強しないと仕事ができないと認識しているので、毎日少しずつ勉強を続けてきました。おかげさまで、職場でのコミュニケーションは問題なくできるようになりましたが、自分の日本語力を客観的に評価したくて、2024 年7月にJLPT N3を受験し、合格することができました。

Xin chào, tôi tên là DUONG. Tôi đã bắt đầu sống ở Nhật Bản từ tháng 7 năm 2019, và đến nay đã được 5 năm. Vì tôi nhận thức rằng nếu không học tiếng Nhật từ ban đầu, tôi sẽ không thể làm việc, nên tôi đã tiếp tục học mỗi ngày một chút. Nhờ vậy, tôi đã có thể giao tiếp tốt ở nơi làm việc mà không gặp vấn đề gì, nhưng tôi muốn đánh giá năng lực tiếng Nhật của mình một cách khách quan, vì vậy vào tháng 7 năm 2024, tôi đã tham gia kỳ thi JLPT N3 và đã đậu.

最初は会話力を中心に学習していました。職場には日本人が多く、仕事だけでなく、日常生活のことまで色々な話をする機会に恵まれています。

Ban đầu, tôi tập trung vào việc học khả năng giao tiếp. Nơi làm việc của tôi có nhiều người Nhật, và tôi có cơ hội để trò chuyện không chỉ về công việc mà còn về nhiều vấn đề trong cuộc sống hàng ngày.

勉強法ですが、毎日2時間ほど「日本語学習時間」を設けています。その時間には、まず日報を書きます。配属してから毎日会社の日報を書いています。日報を書くことは、その日の業務を振り返って、自身が携わった業務の内容を確認することです。作業の進捗状況を把握し、次の日にすべきことを明確にすることで、翌日以降の仕事に活かすことができます。日報を書く中で、自然と文法や語彙、漢字を学ぶことができ、仕事用語にも慣れてきました。知らない単語が出てきたらすぐに調べるようにしています。

Về phương pháp học, mỗi ngày tôi dành khoảng 2 giờ cho "thời gian học tiếng Nhật". Trong khoảng thời gian này, đầu tiên tôi viết báo cáo ngày (nippon). Từ khi được phân công công việc, tôi đã viết báo cáo hàng ngày cho công ty. Việc viết báo

cáo ngày giúp tôi nhìn lại công việc trong ngày và xác nhận nội dung công việc mà tôi đã tham gia. Bằng cách nắm bắt tiến độ công việc và làm rõ những việc cần làm vào ngày hôm sau, tôi có thể áp dụng cho công việc vào ngày hôm sau. Trong quá trình viết báo cáo ngày, tôi tự nhiên học được ngữ pháp, từ vựng và kanji, và đã quen với các thuật ngữ chuyên ngành. Khi gặp từ mới mà tôi không biết, tôi luôn cố gắng tra cứu ngay lập tức.

JLPT対策としては、YouTube で日本語N3の文法動画を見ていました。日本でベトナム語訳付きのテキストを見つけるのが難しかったので、オンラインの動画は本当に役立ちました。リスニングの練習には、シャドーイングを取り入れました。ネイティブの発音を真似ることで、より自然な日本語を話せるようになると思います。仕事が忙しい中でも、短い時間でも毎日続けることで、効果を実感しています。

Để chuẩn bị cho kỳ thi JLPT, tôi đã xem các video về ngữ pháp tiếng Nhật N3 trên YouTube. Vì việc tìm các tài liệu có bản dịch tiếng Việt ở Nhật Bản khá khó khăn, các video trực tuyến thực sự đã giúp đỡ tôi rất nhiều. Để luyện nghe, tôi đã áp dụng phương pháp shadowing (luyện phát âm theo người bản xứ). Bằng cách bắt chước phát âm của người bản xứ, tôi nghĩ rằng mình có thể nói tiếng Nhật một cách tự nhiên hơn. Dù công việc bận rộn, tôi vẫn cố gắng học mỗi ngày, dù chỉ trong một khoảng thời gian ngắn, và tôi đã cảm nhận được hiệu quả của việc học liên tục.

試験前には、過去問題集を解きました。過去問を解くことで、試験の形式に慣れることができました。次はN2取得を目指します。将来は、日本の会社で活躍したいと考えています。

Trước kỳ thi, tôi đã giải các bài tập trong sách đề thi thử. Việc giải các đề thi thử giúp tôi làm quen với hình thức của kỳ thi. Mục tiêu tiếp theo của tôi là đạt được chứng chỉ N2. Trong tương lai, tôi dự định sẽ làm việc và phát triển sự nghiệp tại một công ty Nhật Bản.

日本に来て、本当に良かったです。日本語だけでなく、仕事や生活のことまで、たくさんのことを学ぶことができました。皆さんも、日本で様々な経験をして、大きく成長してください。一緒に頑張りましょう。

Tôi thật sự rất vui khi đến Nhật Bản. Không chỉ học tiếng Nhật, tôi còn có thể học hỏi được rất nhiều điều về công việc và cuộc sống. Mong rằng các bạn cũng sẽ có những trải nghiệm đa dạng tại Nhật Bản và phát triển mạnh mẽ. Hãy cùng nhau cố gắng nhé!